

- Phân tích được các công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế
- Có kiến thức chuyên sâu để phân tích quyết định quản lý nền kinh tế của nhà nước một cách có hiệu quả.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng vận dụng được khối kiến thức về hệ thống kiến thức về vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế.
- Có kiến thức chuyên sâu phân tích, tổng hợp, đánh giá các chính sách giải quyết những vấn đề đặt ra trong quản lý nền kinh tế. Giúp cho sinh viên làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể.

2.2.3. Về thái độ

- Tham dự giờ giảng đầy đủ, nghe giảng, tự học, tự nghiên cứu tài liệu bắt buộc và tham khảo để vận dụng kiến thức nhằm làm bài tập và thảo luận theo nhóm có hiệu quả.
- Có ý thức tự học để đạt được hiệu quả đọc hiểu cao.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO |
|-------------|--|
| CLO1 | Vận dụng được những kiến thức cơ bản về quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước để phân tích trong từng trường hợp cụ thể cho doanh nghiệp |
| CLO2 | Tổng hợp được những công cụ và phương pháp trong quản lý nhà nước về kinh tế |
| CLO3 | Hệ thống hóa mục tiêu, chức năng, thông tin và cách thức ra quyết định quản lý nhà nước về kinh tế |
| CLO4 | Phân tích được mối liên hệ giữa bộ máy và cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế. |

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

| PLO | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
|-------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|
| CLO 1 | I | I | | | | | | | | | | I |
| CLO 2 | | I | | R | I | R | | | I | R | I | |
| CLO 3 | | I | | | | | | I | I | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|-------------------------|---|---|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO 4 | I | | | | R | M | M | | | | I | R |
| Tổng hợp học phần | I | R | | R | R | M | M | I | I | R | I | I |

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

| Thành phần đánh giá | Trọng số | Bài đánh giá | Trọng số con | Rubric (đánh dấu X nếu có) | Lquan đến CDR nào ở bảng 1 | Hướng dẫn phương pháp đánh giá |
|----------------------------------|----------|--|--------------|----------------------------|----------------------------|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | | | | | <i>Đánh giá theo Rubric 1</i> |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 5: Chương 1, chương 2 và chương 3 | 30% | | CLO 1, CLO 2 | <i>Đánh giá theo Rubric 4; kiểm tra viết theo thang điểm 10</i> |
| | | A2.2. Tuần 10: Chương 4 và chương 5 | 30% | | CLO 3 | |
| | | A2.3. Tuần 15: Chương 6, chương 7 | 40% | | CLO 4 | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp | | | CLO 1 CLO 3 CLO 4 | <i>Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5</i> |

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

| Tuần/ Buổi (3 tiết/b) | Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số) | Số tiết (LT, BT/ TH/ TT) | CDR của bài học (chương)/ chủ đề | Lquan đến CDR nào ở bảng 1 | PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR | Hoạt động học của SV(*) | Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3) |
|--------------------------------|---|--------------------------------------|--|----------------------------------|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Tổng quan quản lý nhà nước về kinh tế 1.1. Sự cần thiết khách quan của quản lý Nhà nước về kinh tế 1.2. Đối tượng, nội dung, phương pháp môn học | 3 LT | 1.1. Nắm được các vấn đề về sự cần thiết khách quan của quản lý Nhà nước về kinh tế 1.2. Nắm được đối tượng, nội dung, phương pháp môn học | CLO 1 CLO 1 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|---|--|------|---|-------|---|---|--|
| 2 | <p>Chương 1: tiếp theo</p> <p>1.2. Tiếp theo</p> <p>Chương 2: Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>2.1. Quy luật</p> | 1 LT | 1.2. Nắm được đối tượng, nội dung, phương pháp môn học | CLO 1 | | | |
| | | 2 LT | 2.1. Nắm được những nội dung về quy luật | CLO 1 | | | |
| 3 | <p>Chương 2: tiếp theo</p> <p>2.2. Các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế</p> <p>Chương 3: Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế</p> <p>3.1. Công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước</p> | 2 LT | 2.2. Nắm được những nội dung cơ bản về các nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế | CLO 1 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. | |
| | | 1 LT | 3.1. Nắm được các nội dung cơ bản về công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước | CLO 2 | | - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |

| | | | | | | | |
|---|---|------|--|-------|---|--|------|
| 4 | Chương 3: Tiếp theo 3.1. Tiếp theo | 3 LT | 3.1. Nắm được các nội dung cơ bản về công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước | CLO2 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 5 | Chương 3: Tiếp theo 3.2. Phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế | 3LT | 3.2. Nắm được những nội dung cơ bản về phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế | CLO 2 | | | A2.1 |
| 6 | Chương 4: Mục tiêu và chức năng quản lý nhà nước về kinh tế | 3 LT | 4.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến | CLO 2 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung | |

| | | | | | | | |
|---|--|-----------------|--|-------------------|---|--|--|
| | 4.1. Mục tiêu quản lý Nhà nước về kinh tế | | mục tiêu quản lý Nhà nước về kinh tế | | | liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 7 | Chương 4: Tiếp theo 4.2. Chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế | 3 LT | 4.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế | CLO2 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 8 | Chương 4: Tiếp theo 4.2. Tiếp theo Chương 5: Thông tin và quyết định 5.1. Thông tin | 1 LT 2LT | 4.2. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế 5.1. Nắm được những nội dung cơ bản liên quan đến thông tin | CLO3 CLO 3 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |

| | | | | | | | |
|----|--|------|--|-------|---|--|------|
| 9 | Chương 5: Tiếp theo 5.2. Quyết định | 3 LT | 5.2. Hiểu vững và vận dụng được các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế | CLO 3 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 10 | Chương 5: tiếp theo 5.2. Tiếp theo | 3 LT | 5.2. Hiểu vững và vận dụng được các quyết định quản lý nhà nước về kinh tế | CLO3 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.2 |
| 11 | Chương 6: Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế 6.1. Khái niệm và hình thức tổ chức bộ | 3 LT | 6.1. Hiểu vững và vận dụng được các nội dung về hình | CLO3 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung | |

| | | | | | | | |
|----|---|------------------|--|--------------------|---|---|--|
| | máy Quản lý Nhà nước về kinh tế | | thức tổ chức bộ máy Quản lý Nhà nước về kinh tế | | | liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 12 | Chương 6: tiếp theo 6.2. Xây dựng bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế | 3 LT | 6.2. Nắm được kiến thức cơ bản về bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế | CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 13 | Chương 6: tiếp theo 6.2. tiếp theo Chương 7: Cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế | 2 LT 1 LT | 6.2. Nắm được kiến thức cơ bản về bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế | CLO 4 CLO 4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi | |

| | | | | | | | |
|----|---|------|--|------|---|--|------|
| | 7.1. Tổng quan về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế | | 7.1. Nắm vững các nội dung về cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế | | | | |
| 14 | Chương 7: tiếp theo 7.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế | 3 LT | 7.2. Nắm vững các nội dung về đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế | CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 15 | Chương 7: Tiếp theo 7.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế | 3 LT | 7.2. Nắm vững các nội dung và xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế | CLO4 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.3 |

| | | | | | | | |
|------------------|------------------|--|--|--|--|--|----|
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì | | | | | | A3 |
|------------------|------------------|--|--|--|--|--|----|

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

| TT | Tên tác giả | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB |
|-----------------------------------|------------------------------|--------|---|---|
| Giáo trình chính | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Kim Phụng | 2021 | <i>Bài giảng Quản lý nhà nước về kinh tế</i> | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| Sách, giáo trình tham khảo | | | | |
| 2 | Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu | 2005 | <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i> | NXB Lao động – Xã hội |
| 3 | Nguyễn Văn Sáu | 2004 | <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i> | NXB Lý luận chính trị |
| 4 | Nguyễn Thế Chinh | 2003 | <i>Giáo trình kinh tế và quản lý môi trường</i> | NXB Thống kê |

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH | | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------|--|----------|-------------------------------------|
| | | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,... | Số lượng | |
| 1 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 1</i> |
| 2 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 2</i> |
| 3 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 3</i> |
| 4 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 4</i> |
| 5 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 5</i> |
| 6 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 6</i> |
| 7 | Giảng đường A | <i>Projector, máy tính cá nhân</i> | 1 | <i>Chương 7</i> |

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendance Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------|-------------------------------------|--|--|--|---|------------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Chuyên cần | Không đi học (<30%). | Đi học không chuyên cần (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %). | 50% |
| Đóng góp tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50% |

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam): Rubric 5.**Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------------|---|--|--|---|---|----------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Thái độ trả lời câu hỏi | Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe. | Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin. | Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu. | Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng. | Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. | 20% |
| Nội dung trả lời | Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. | Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi. | Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục. | 80% |

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Kim Phụng

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (STATE MANAGEMENT OF ECONOMIC)

Mã học phần: KTQLNN.030

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên Đại học ngành Quản trị kinh doanh Hệ chính quy

1. Thông tin hoạt động nghiệm thu:

Thời gian nghiệm thu: phút ngày tháng năm 20

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng Khoa Kinh tế - Du lịch

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

- | | |
|------------------------------|-----------------------|
| 1. Th.S Phan Thị Thu Hà | Chủ tịch Hội đồng |
| 2. Th.S Nguyễn Thị Kim Phụng | Thư ký |
| 3. TS. Trần Thị Thu Thủy | Ủy viên – phản biện 1 |
| 4. ThS. Lê Khắc Hoài Thanh | Ủy viên – Phản biện 2 |
| 5. TS. Bùi Khắc Hoài Phương | Ủy viên - Thành viên |

2. Ý kiến của Hội đồng nghiệm thu:

- Phản biện 1: TS. Trần Thị Thu Thủy đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Phản biện 2: ThS. Lê Khắc Hoài Thanh đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Quản lý nhà nước về kinh tế cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

3. Kết luận của Hội đồng:

Về hình thức:

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.
- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.
- Tuy nhiên còn một số lỗi chính tả cần chỉnh sửa (trang 3, 6)

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liên hệ thực tế cho sinh viên. Có khả

năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, đưa thêm bài tập với môn này trong từng chương.

Kết luận: Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Quảng Bình, ngày tháng năm 201

THƯ KÝ

Phan Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Kim Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

- Lê Khắc Hoài Thanh

- Trần Thị Thu Thủy

- Bùi Khắc Hoài Phương

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (STATE MANAGEMENT OF ECONOMICS)

MHP: KTQLNN.030

Số tín chỉ: 03

Đối tượng: Sinh viên Đại học ngành Quản trị kinh doanh, hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 2, trang 9)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Quản trị kinh doanh.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp
- Phân bố số tiết trong các chương hợp lý.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 201
NGƯỜI NHẬN XÉT

Trần Thị Thu Thủy

BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ (STATE MANAGEMENT OF ECONOMICS)

MHP: KTQLNN.030

Số tín chỉ: 03

Đối tượng: Sinh viên Đại học ngành Quản trị kinh doanh, hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

Chương trình có hình thức trình bày rõ ràng, dễ hiểu, đúng mẫu quy định. Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận. Tuy nhiên còn một số lỗi chính tả cần chỉnh sửa (trang 1, 9)

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo, tuy nhiên diễn đạt trong phần kỹ năng cần điều chỉnh lại cho trôi chảy.
- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.
- Tuy nhiên cần xem xét lại thời lượng phân bổ cho các chương sao cho phù hợp hơn.

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 201

NGƯỜI NHẬN XÉT

Lê Khắc Hoài Thanh